

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**cho năm tài chính 2011**

## **MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	06 - 07
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	08 - 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

### **Khái quát chung về Công ty**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có mười hai lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

### **Danh sách cổ đông sáng lập:**

<b>Số TT</b>	<b>Tên cổ đông sáng lập</b>	<b>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức</b>	<b>Số cổ phần</b>
1	Tổng Công ty Sông Hồng	70 An Dương, quận Tây Hồ, Hà Nội	(*)
2	Lê Hoàng Anh	Số 5 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lai, Quận Đống Đa, Hà Nội.	257.100
3	Hoàng Quốc Huy	20 ngách 165/4 Chùa Bộc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	187.960
4	Đoàn Thị Bích Hà	Nhà 6C - P4 Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Hà Nội	131.100
5	Nguyễn Hải Sơn	42B Hàng Cót, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	1.200
6	Lê Quang Việt	422/18 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	146.400
7	Lê Phong	Số 5, Hàng Bún, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, Hà Nội	17.200

(\*) Đã chuyển nhượng cổ phần

### **Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
  - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
  - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính gồm:

<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>Chức vụ</b>
- Ông Lê Hoàng Anh	Chủ tịch

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

- Ông Hoàng Quốc Huy Phó Chủ tịch
- Bà Đoàn Thị Bích Hà Ủy viên
- Ông Trịnh Thanh Giảng Ủy viên
- Ông Trần Văn Long Ủy viên

**Ban Giám đốc**

**Chức vụ**

- Ông Hoàng Quốc Huy Tổng Giám đốc
- Bà Đoàn Thị Bích Hà Phó Tổng giám đốc
- Ông Trần Văn Long Phó Tổng giám đốc
- Ông Phạm Vinh Hiển Phó Tổng giám đốc
- Ông Huỳnh Thanh Quyết Phó Tổng giám đốc
- Bà Lê Hoài Thu Kế toán trưởng

**Trụ sở chính**

Địa chỉ : 206A, đường Nguyễn Trãi - Từ Liêm - Hà Nội  
Tel : (84-4) 355 408 45  
Fax : (84-4) 355 408 47  
Mã số thuế : 0100109674

**Các đơn vị phụ thuộc**

<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Giám đốc</b>
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (chấm dứt hoạt động từ ngày 22/07/2011)	Số 96/108 đường Trục - Phường 13 - Quận Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh	Lê Quốc Tuấn
CN Công ty tại Đà Nẵng (chấm dứt hoạt động từ ngày 30/09/2011)	Lô B1 - 37 Lê Thanh Nghị, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng	Lê Văn Tuấn

**Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

**Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
*(tiếp theo)*

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

*Thay mặt Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

---

**Hoàng Quốc Huy**

**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2012*

Số: -12/BC-TC/I-VAE

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2012

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011  
của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 23/03/2012 của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") từ trang 08 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày tại Thuyết minh phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

### **Cơ sở đưa ra ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày; và

- (b) Phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (11) bản tiếng Việt, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí giữ 10 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau.

---

**Phạm Ngọc Toàn**  
**Phó Tổng giám đốc**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0024/KTV*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

---

**Nguyễn Thị Hồng Vân**  
**Kiểm toán viên**

*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0946/KTV*



Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>611.715.119.621</b>	<b>635.273.827.109</b>
<b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>				
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>47.125.333.855</b>	<b>117.900.535.955</b>
1. Tiền	111		47.125.333.855	117.150.535.955
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	750.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>4.000.000.000</b>	<b>47.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.000.000.000	47.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>386.931.294.877</b>	<b>352.200.073.352</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	195.908.640.556	239.856.377.878
2. Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	77.808.959.089	27.786.072.598
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	113.213.695.232	84.557.622.876
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>166.932.862.461</b>	<b>111.342.479.133</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	166.932.862.461	111.342.479.133
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.725.628.428</b>	<b>6.830.738.669</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	10.789.771
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	1.597.831.414	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	5.127.797.014	6.819.948.898
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>265.383.118.775</b>	<b>254.634.138.696</b>
<b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.471.286.047</b>	<b>25.713.507.111</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.6	1.971.396.170	24.299.415.920
- Nguyên giá	222		4.277.893.737	42.691.126.355
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.306.497.567)	(18.391.710.435)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	1.499.889.877	1.414.091.191
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.8</b>	<b>900.000.000</b>	<b>3.987.117.500</b>
- Nguyên giá	241		900.000.000	3.987.117.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.9</b>	<b>261.006.550.000</b>	<b>222.916.280.000</b>
1. Đầu tư vào Công ty con	251		153.783.550.000	120.853.280.000
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		24.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		83.223.000.000	102.063.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.282.728</b>	<b>2.017.234.085</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	5.282.728	2.017.234.085
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>877.098.238.396</b>	<b>889.907.965.805</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2011	01/01/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>606.372.961.723</b>	<b>597.989.295.621</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>497.875.382.939</b>	<b>486.119.468.501</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	117.666.648.144	76.515.910.779
2. Phải trả người bán	312	VIII.2.4	216.377.929.880	236.435.371.512
3. Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	80.502.871.261	151.020.860.011
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	6.616.574.336	4.263.997.915
5. Phải trả người lao động	315		-	472.025.772
6. Chi phí phải trả	316	V.13	64.018.374.874	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	9.074.065.836	13.338.135.452
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.618.918.608	4.073.167.060
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>108.497.578.784</b>	<b>111.869.827.120</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	107.726.418.080	111.869.827.120
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.16	771.160.704	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>270.725.276.673</b>	<b>291.918.670.184</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>270.725.276.673</b>	<b>291.918.670.184</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		59.696.774.500	59.826.774.500
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.556.210.837)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.598.167.736	10.598.167.736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.160.300.000	2.160.300.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		4.082.251.900	4.082.251.900
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14.743.993.374	15.251.176.048
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>877.098.238.396</b>	<b>889.907.965.805</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN HÔNG HÀ DẦU KHÍ

TL.Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Hoàng Quốc Huy

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.18</b>	<b>691.394.425.074</b>	<b>833.218.168.670</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19	-	1.910.479.804
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.20</b>	<b>691.394.425.074</b>	<b>831.307.688.866</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	639.521.532.053	771.447.969.801
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>51.872.893.021</b>	<b>59.859.719.065</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	21.103.786.477	9.734.904.744
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	32.545.377.806	17.978.338.098
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.537.488.918</i>	<i>10.311.671.432</i>
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.6	23.732.766.702	31.856.107.672
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.698.534.990</b>	<b>19.760.178.039</b>
<b>[30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]</b>				
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.7	6.920.602.419	466.589.091
12. Chi phí khác	32	VIII.2.8	545.729.311	53.252.065
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>6.374.873.108</b>	<b>413.337.026</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>23.073.408.098</b>	<b>20.173.515.065</b>
<b>(50 = 30 + 40)</b>				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.24	7.558.254.020	4.922.339.017
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.16	771.160.704	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>14.743.993.374</b>	<b>15.251.176.048</b>
<b>(60 = 50 - 51 - 52)</b>				

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2012  
CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ

TL. Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Hoàng Quốc Huy

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm 2011	Năm 2010
<b>I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	01		818.375.708.917	987.317.410.111
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá & dịch vụ	02		(810.191.653.825)	(910.127.068.222)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.451.814.520)	(16.855.123.867)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(31.729.581.206)	(10.527.353.782)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(11.541.764.358)	(3.497.252.778)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		39.135.480.715	214.255.226.818
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(85.598.496.796)	(352.980.657.136)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(93.002.121.073)</b>	<b>(92.414.818.856)</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các TS dài hạn khác	21		(12.971.666.364)	(3.462.089.000)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ& các TS dài hạn khác	22		920.568.711	412.992.000,00
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(185.000.000.000)	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		228.000.000.000	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(42.215.270.000)	(119.754.700.000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		22.793.000.000	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.342.786.477	3.709.348.844
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>19.869.418.824</b>	<b>(119.094.448.156)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	193.876.800.000
2	Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		(20.526.195.456)	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn đã nhận được	33		183.540.035.577	276.671.985.162
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(146.532.707.252)	(153.550.963.487)
5	Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(14.123.632.720)	(5.119.420.234)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.357.500.149</b>	<b>311.878.401.441</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(70.775.202.100)</b>	<b>100.369.134.429</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>117.900.535.955</b>	<b>17.531.401.526</b>
	ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>47.125.333.855</b>	<b>117.900.535.955</b>

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2012  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

TL.Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hải Yến

Hoàng Quốc Huy

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm 2011**

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là Hong Ha Petroleum Joint Stock Company, tên viết tắt là HongHa Petroleum.,JSC, tiền thân là Công ty thuộc Công đoàn xây dựng Việt Nam, được giao cho Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý theo Quyết định số 1361/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ngày 4 tháng 11 năm 1999. Sau đó Công ty Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2076/QĐ-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc chuyển Công ty Xây dựng Hồng Hà thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng thành Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hồng Hà và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103006903 ngày 14/03/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty có mười hai lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 29/12/2010 thì:

- Vốn Điều lệ: **200.000.000.000 VND** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngày 17/3/2010, cổ phiếu của Công ty đã niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán: PHH

Trụ sở Công ty tại: 206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội  
Điện thoại: (84-4) 35 540 845  
Fax: (84-4) 35 540 847

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Đúc kim loại màu; Đúc sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt: quặng bôxít, nhôm, đồng, chì, kẽm, thiếc, mangan, crôm, niken, coban, molybden, tantali, vanadi (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt; Hoạt động thăm dò nguồn nước; Khảo sát địa chất, trắc địa công trình;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản:
  - + Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ môi giới bất động sản;
  - + Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ đấu giá bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản./.
- Tư vấn đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình, thẩm tra thiết kế và tổng dự toán công trình (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô;
- Gia công cơ khí, lắp đặt, bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng các loại máy móc, thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp;

Mẫu số B 09 - DN

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**  
**(tiếp theo)**

- Sản xuất, mua bán, cho thuê các loại máy móc thiết bị xây dựng dân dụng và công nghiệp; Thiết kế quy hoạch chung, vùng, chi tiết đối với các khu đô thị;
- Tư vấn đầu tư, thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, vật tư, thiết bị;
- Đầu tư kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp, bất động sản, cho thuê nhà văn phòng, dịch vụ khách sạn, đưa đón khách du lịch;
- Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, ký gửi hàng hóa; Gia công cơ khí và lắp đặt kết cấu kim loại, gia công chế biến gỗ, trang trí nội ngoại thất;
- Thi công lắp đặt thiết bị chuyên dùng cấp, thoát nước, thang máy, hệ thống điện lạnh, điện máy, thông tin, xử lý môi trường trong các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện đến 110 KV, các công trình ngầm, xử lý nền móng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi (cầu, đường, bến cảng, đê, đập, kè, kênh mương).

Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

### **II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

### **III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán EASY Accounting.

### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

#### **1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**  
**(tiếp theo)**

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp thực tế đích danh.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

#### **3.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt, chạy thử.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<b>Loại tài sản cố định</b>	<b>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</b>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25
- Phương tiện vận tải	5 - 10
- Máy móc thiết bị	2 - 7
- Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

#### **3.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất tại KDC Vĩnh Phú 1, phường Vĩnh Phú, TX Thuận An, Bình Dương do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp hình thành bất động sản đầu tư.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty là khoản ủy thác quản lý vốn tại Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Khoản đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Quảng Ninh và góp vốn vào Công ty TNHH ChacKaPhanh MiNing Group, Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí và Công ty Cổ phần Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào, được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày đầu tư.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**  
**(tiếp theo)**

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ bao gồm phí bảo lãnh phát hành trái phiếu, giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị lợi thế vị trí địa lý, giá trị thương hiệu và chi phí máy móc thiết bị văn phòng... có thời gian phân bổ từ 12 - 24 tháng.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí công trình, thực tế chưa được chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí trong kỳ, dựa trên dự toán chi phí và dự toán trích trước.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay.

Trong kỳ Công ty thực hiện 2 đợt mua cổ phiếu quỹ:

Đợt 1: Theo Nghị quyết 01-1/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 25/01/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 08/02/2011 đến 31/03/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 1.000.000 cổ phiếu với tổng giá trị 13.729.670.000 VND.

Đợt 2: Theo Nghị quyết 05-2/2011/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 21/04/2011 Công ty thực hiện mua cổ phiếu quỹ với số lượng 1.500.000 cổ phiếu và thời điểm thực hiện từ ngày 06/05/2011 đến 06/07/2011. Kết quả của đợt mua lại cổ phiếu quỹ Công ty đã mua lại 786.000 cổ phiếu với tổng giá trị 6.826.540.837 VND.

### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu bán, cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, doanh thu chuyển nhượng bất động sản và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

- Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - “Hợp đồng xây dựng”.
- Doanh thu cho thuê văn phòng, nhà xưởng và máy móc thiết bị được xác định theo thời gian cho thuê thực tế, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng và biên bản nghiệm thu thanh lý, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được xác định theo hợp đồng, biên bản thanh lý, hóa đơn tài chính đã xuất cho khách hàng, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”.

### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, sau khi đã trừ đi phần chi phí lãi vay được vốn hóa, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**  
**(tiếp theo)**

### **12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.**

#### **12.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định các khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

#### **12.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng tòa nhà văn phòng 407 Nguyễn An Ninh được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

#### **12.3. Ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn, khoản vay dài hạn tại ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội nhằm mục đích mua sắm tài sản cố định, khoản vay qua phát hành trái phiếu của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh.

#### **12.4. Các nghĩa vụ về thuế**

##### ***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

##### ***Thuế Thu nhập doanh nghiệp:***

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

##### ***Các loại thuế khác:***

Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **12.5. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn**

Giá vốn của Công ty gồm: Giá vốn hoạt động xây lắp, chuyển nhượng bất động sản, cho thuê Thiết bị, bán Vật tư.

- Giá vốn của hoạt động xây lắp được xác định theo chi phí thực tế của từng công trình phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị và cho thuê văn phòng, mặt bằng nhà xưởng là chi phí khấu hao và các chi phí khác phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.
- Giá vốn chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>115.763.586</b>	<b>469.461.905</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>47.009.570.269</b>	<b>116.681.074.050</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội	19.933.080.717	12.008.860.039
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	27.076.207.709	104.671.287.520
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	281.843	926.491
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>750.000.000</b>
Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Quân đội	-	750.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.125.333.855</b>	<b>117.900.535.955</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (%/tháng)	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>			<b>4.000.000.000</b>	<b>47.000.000.000</b>
Đầu tư ngắn hạn khác			4.000.000.000	47.000.000.000
Ủy thác quản lý vốn Công ty Cổ phần Tài chính Điện lực	12	1,00%	4.000.000.000	47.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>			<b>4.000.000.000</b>	<b>47.000.000.000</b>

**3. Các khoản phải thu khác**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	61.025.555.900	61.025.555.900
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Quang Long	15.676.000.000	8.120.000.000
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	13.867.917.500	10.452.917.500
Công ty TNHH Phong Thịnh	11.347.160.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	3.436.929.990	3.436.929.990
Đối tượng khác	7.860.131.842	1.522.219.486
<b>Tổng cộng</b>	<b>113.213.695.232</b>	<b>84.557.622.876</b>

**4. Hàng tồn kho**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	166.932.862.461	111.342.479.133
<b>Tổng cộng</b>	<b>166.932.862.461</b>	<b>111.342.479.133</b>

(i) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại 31/12/2011 là các công trình: Bệnh viện đa khoa Đồng Nai; Chung cư cao tầng CT9; Bệnh viện K - Cơ sở Tân Triều; Công trình K3B Thành công...

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.597.831.414	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.597.831.414</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự án cao ốc văn phòng 407 Nguyễn An Ninh	1.499.889.877	1.414.091.191
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.499.889.877</b>	<b>1.414.091.191</b>

**8. Bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
<b>Nguyên giá BĐS đầu tư</b>	<b>3.987.117.500</b>	<b>903.105.000</b>	<b>3.990.222.500</b>	<b>900.000.000</b>
Quyền sử dụng đất	3.987.117.500	903.105.000	3.990.222.500	<b>900.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại bất động sản đầu tư</b>	<b>3.987.117.500</b>			<b>900.000.000</b>
Quyền sử dụng đất	3.987.117.500			900.000.000

**9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		<b>153.783.550.000</b>		<b>120.853.280.000</b>
Công ty TV ĐT & QL XD Hồng Hà	-	-	102.000	1.020.000.000
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty TV ĐT & QL XD Hồng Hà: Công ty bán khoản đầu tư				
Công ty CP ĐT & XD Hồng Hà Số 1	906.000	9.060.000.000	306.000	3.060.000.000
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP ĐT & XD Hồng Hà Số 1: Công ty góp vốn thêm bằng TSCĐ				
Công ty CP TV TK Hồng Hà Dầu khí	102.000	1.020.000.000	102.000	1.020.000.000
Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí	5.350.000	98.750.000.000	3.766.000	82.910.000.000
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Tư Hiệp Hồng Hà Dầu khí: Công ty góp thêm vốn đầu tư.				

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

*(tiếp theo)*

Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	1.500.000	23.031.780.000	1.500.000	23.031.780.000
Công ty TNHH XD&TM Quang Long	-	-	561.000	9.811.500.000
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH XD&TM Quang Long: Công ty bán khoản đầu tư				
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	1.268.000	12.680.000.000	-	-
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội: Công ty đầu tư vào Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội.				
Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ	209.575	2.241.770.000	-	-
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ: Công ty đầu tư vào Công ty CP Sản xuất cửa Hoa Kỳ.				
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	700.000	7.000.000.000	-	-
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn: Công ty đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn.				
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>		<b>24.000.000.000</b>		<b>-</b>
Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí	40,00%	24.000.000.000	0,00%	-
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí: Công ty đầu tư vào Công ty CP Sông Đáy Hồng Hà Dầu khí				
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>83.223.000.000</b>		<b>102.063.000.000</b>
Công ty Cổ phần kinh doanh Tổng hợp Việt Lào	19,05%	4.200.500.000	19,05%	4.200.500.000
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	0,00%	-	5,23%	18.840.000.000
Lý do thay đổi về số lượng và giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội: Công ty bán khoản đầu tư				
Công ty ChacKKaPhanh MiNing Group	20,00%	77.022.500.000	20,00%	77.022.500.000
Công ty Cổ phần XNK thủy sản Quảng Ninh	9,98%	2.000.000.000	9,98%	2.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

206A đường Nguyễn Trãi, xã Trung Văn, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Tel: (84-4) 3554 0845

Fax: (84-4) 3554 0847

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính 2011

Mẫu số B 09- DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
- Số dư ngày 01/01/2011	5.771.803.224	30.718.477.656	5.463.259.948	737.585.527	<b>42.691.126.355</b>
- Mua trong năm	-	173.000.000	944.736.364	90.760.000	<b>1.208.496.364</b>
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(4.023.329.404)	(304.780.429)	(999.761.909)	(338.328.139)	<b>(5.666.199.881)</b>
- Giảm khác (i)	(1.748.473.820)	(30.586.697.227)	(1.580.469.445)	(39.888.609)	<b>(33.955.529.101)</b>
- Số dư ngày 31/12/2011	-	-	3.827.764.958	450.128.779	<b>4.277.893.737</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
- Số dư ngày 01/01/2011	1.630.365.453	13.872.661.356	2.468.413.609	420.270.017	<b>18.391.710.435</b>
- Khấu hao trong năm	146.409.500	326.681.500	772.538.812	149.816.200	<b>1.395.446.012</b>
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	(1.135.644.153)	(304.780.429)	(723.605.909)	(258.353.550)	<b>(2.422.384.041)</b>
- Giảm khác	(641.130.800)	(13.894.562.427)	(497.835.012)	(24.746.600)	<b>(15.058.274.839)</b>
- Số dư ngày 31/12/2011	-	-	2.019.511.500	286.986.067	<b>2.306.497.567</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày 01/01/2011	<b>4.141.437.771</b>	<b>16.845.816.300</b>	<b>2.994.846.339</b>	<b>317.315.510</b>	<b>24.299.415.920</b>
- Tại ngày 31/12/2011	-	-	<b>1.808.253.458</b>	<b>163.142.712</b>	<b>1.971.396.170</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Giá trị lợi thế vị trí địa lý	-	715.069.010
Giá trị thương hiệu	-	150.000.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5.282.728	1.152.165.075
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.282.728</b>	<b>2.017.234.085</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	Thời hạn	Lãi suất	31/12/2011	01/01/2011
	(tháng)	(%/tháng)	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)			36.755.513.724	18.583.135.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	06	1,71%	80.911.134.420	53.283.354.013
Ngân hàng TMCP Quân đội CN Bắc Sài Gòn	06	1,71%	-	4.649.421.266
<b>Tổng cộng</b>			<b>117.666.648.144</b>	<b>76.515.910.779</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo thông báo hạn mức tín dụng số 536/TB-MB-TXU ngày 14/09/2011 lãi suất thả nổi được xác định bằng tổng của lãi suất tham chiếu và lãi suất biên, thời hạn vay từ 4 đến 6 tháng.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam lãi suất thả nổi, lãi suất ngày ký hợp đồng 20%/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Thời hạn vay 06 tháng.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.527.253.588	1.723.960.915
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.385.678.924
Thuế Thu nhập cá nhân	89.320.748	154.358.076
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.616.574.336</b>	<b>4.263.997.915</b>

**13. Chi phí phải trả**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí trích trước các công trình	64.018.374.874	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>64.018.374.874</b>	<b>-</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

*(tiếp theo)*

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	4.760.000.000	12.000.000.000
Trả hộ cho Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới số 1	3.014.410.531	-
Cổ tức phải trả	775.262.000	301.978.000
Công ty Xây dựng và Kinh doanh Nhà Kim Sơn	390.000.000	390.000.000
Đối tượng khác	134.393.305	646.157.452
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.074.065.836</b>	<b>13.338.135.452</b>

**15. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân đội (i)	7.726.418.080	11.869.827.120
Trái phiếu phát hành (ii)	100.000.000.000	100.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>107.726.418.080</b>	<b>111.869.827.120</b>

(i) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay số 247.09.003.5466.TD thời hạn vay 4 năm, lãi suất thả nổi 10,5%/năm.

(ii) Khoản trái phiếu phát hành theo hợp đồng tư vấn và bảo lãnh phát hành số 021-10/TVPH-BLPH/EVNFC-ĐTTV kỳ hạn 2 năm, kỳ trả lãi 6 tháng một lần lãi suất kỳ đầu tiên là 15%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh 6 tháng một lần với lãi suất bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm cá nhân VND kỳ hạn 12 tháng trả sau, lãi suất biên 4,5%/năm.

**16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	771.160.704	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>771.160.704</b>	<b>-</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**17. Vốn chủ sở hữu**

**17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>19.879.625.000</b>	-	<b>6.598.167.736</b>	<b>1.181.300.000</b>	<b>4.082.251.900</b>	<b>19.598.956.603</b>	<b>101.340.301.239</b>
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	43.876.800.000	-	-	-	-	-	<b>193.876.800.000</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	15.251.176.048	<b>15.251.176.048</b>
Tăng khác	-	-	-	4.000.000.000	979.000.000	-	-	<b>4.979.000.000</b>
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(3.929.650.500)	-	-	-	-	(19.598.956.603)	<b>(23.528.607.103)</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2011</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>59.826.774.500</b>	-	<b>10.598.167.736</b>	<b>2.160.300.000</b>	<b>4.082.251.900</b>	<b>15.251.176.048</b>	<b>291.918.670.184</b>
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	14.743.993.374	<b>14.743.993.374</b>
Tăng khác	-	-	(20.556.210.837)	-	-	-	-	<b>(20.556.210.837)</b>
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(130.000.000)	-	-	-	-	(15.251.176.048)	<b>(15.381.176.048)</b>
<b>Số dư ngày 31/12/2011</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>59.696.774.500</b>	<b>(20.556.210.837)</b>	<b>10.598.167.736</b>	<b>2.160.300.000</b>	<b>4.082.251.900</b>	<b>14.743.993.374</b>	<b>270.725.276.673</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT và được sử dụng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**17.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000
Lê Hoàng Anh	2.571.000.000	2.571.000.000
Hoàng Quốc Huy	1.879.600.000	1.879.600.000
Đoàn Thị Bích Hà	1.311.000.000	1.311.000.000
Các cổ đông khác	182.238.400.000	182.238.400.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

**17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	150.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**17.4 Cổ phiếu**

	Năm 2011	Năm 2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	20.000.000	15.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.214.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.786.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.214.000	20.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>18.214.000</i>	<i>20.000.000</i>

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng****VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	637.886.888.491	800.947.246.348
Doanh thu chuyên nhượng bất động sản	36.664.772.727	4.050.000.000
Doanh thu hoạt động khác	16.842.763.856	28.220.922.322
<b>Tổng cộng</b>	<b>691.394.425.074</b>	<b>833.218.168.670</b>

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2011**

*(tiếp theo)*

**19. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giảm giá hàng bán	-	1.910.479.804
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.910.479.804</b>

**20. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần xây lắp	637.886.888.491	799.036.766.544
Doanh thu thuần chuyển nhượng bất động sản	36.664.772.727	4.050.000.000
Doanh thu thuần hoạt động khác	16.842.763.856	28.220.922.322
<b>Tổng cộng</b>	<b>691.394.425.074</b>	<b>831.307.688.866</b>

**21. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn xây lắp	616.621.634.495	747.997.504.869
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	6.431.756.648	1.762.734.000
Giá vốn hoạt động khác	16.468.140.910	21.687.730.932
<b>Tổng cộng</b>	<b>639.521.532.053</b>	<b>771.447.969.801</b>

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	6.012.846.336	1.018.318.541
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.299.924.760	678.420.800
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.791.015.381	8.038.165.403
<b>Tổng cộng</b>	<b>21.103.786.477</b>	<b>9.734.904.744</b>

**23. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoạt động khác	786.500.000	-
Lãi trái phiếu	17.221.388.888	7.666.666.666
Lãi tiền vay	14.537.488.918	10.311.671.432
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.545.377.806</b>	<b>17.978.338.098</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b><i>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i></b>		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	675.278.696.113	836.780.761.901
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	688.908.519.668	819.378.671.833
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.629.823.555)	17.402.090.068
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	4.350.522.517
<b><i>Hoạt động chuyển nhượng bất động sản</i></b>		
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	36.664.772.727	4.050.000.000
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	6.431.756.648	1.762.734.000
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	30.233.016.079	2.287.266.000
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	7.558.254.020	571.816.500
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>7.558.254.020</b>	<b>4.922.339.017</b>

**25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên, vật liệu	652.010.297.841	762.695.491.510
Chi phí nhân công	51.119.421.078	113.773.403.610
Chi phí máy thi công	38.104.399.970	40.582.349.025
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.395.446.012	6.739.260.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền	39.841.174.474	81.399.275.283
<b>Tổng cộng</b>	<b>782.470.739.375</b>	<b>1.005.189.779.455</b>

**26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm 2011 VND
Đầu tư dài hạn bằng tài sản cố định	25.680.000.000
Đầu tư vào công ty con bằng khoản đầu tư dài hạn khác	2.375.270.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	6.227.000.000
Lỗ do chuyển nhượng khoản đầu tư dài hạn	785.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**VII Những thông tin khác****1. Thông tin với các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Doanh thu</b>		<b>16.431.780.910</b>	<b>7.135.978.183</b>
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	2.903.034.558	-
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	-	610.385.455
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	Công ty con	13.528.746.352	-
CTTNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	-	6.525.592.728
<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>459.000.000</b>	<b>558.500.000</b>
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	459.000.000	459.000.000
Cty CP QLĐT và XD Hồng Hà	Công ty con	-	99.500.000
<b>Chi phí</b>		<b>247.549.675.792</b>	<b>114.891.332.747</b>
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	124.429.062.275	114.717.234.019
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	Công ty con	120.972.059.482	174.098.728
Công ty TVTK Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	1.456.873.354	-
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	691.680.681	-
<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>		<b>1.186.038.000</b>	<b>1.209.996.000</b>
Cty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	1.186.038.000	1.209.996.000

**1.2 Số dư với các bên liên quan**

	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		<b>7.130.152.000</b>	<b>7.398.111.500</b>
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	-	167.959.500
CTTNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	7.130.152.000	7.230.152.000
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>28.522.705.191</b>	<b>6.454.557.932</b>
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	8.563.628.152	6.454.557.932
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	15.775.340.309	-
Cty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	4.183.736.730	-
<b>Phải trả người bán</b>		<b>59.545.154.300</b>	<b>35.661.764.514</b>
Công ty CP ĐT&XD Hồng Hà Số 1	Công ty con	37.233.005.815	35.661.764.514
Công ty CP Xây lắp Hồng Hà Sài Gòn	Công ty con	51.563.600	-
Công ty CP Sản xuất Cửa Hoa Kỳ	Công ty con	848.750	-
Cty CP Hồng Hà Hà Nội	Công ty con	21.507.010.346	-
CT CP TVTK Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	752.725.789	-
<b>Phải trả khác</b>		<b>4.760.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
Công ty CP Tứ Hiệp Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	4.760.000.000	12.000.000.000
<b>Phải thu khác</b>		<b>29.543.917.500</b>	<b>18.762.939.200</b>
CTTNHH XD&TM Quang Long	Công ty con	15.676.000.000	8.120.000.000
CTTNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	13.867.917.500	10.452.917.500
CT CP TVTK Hồng Hà Dầu khí	Công ty con	-	190.021.700

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**1.3 Thu nhập ban giám đốc được hưởng trong năm**

	Năm 2011 VND
Lương	2.589.227.300
Tiền thưởng	196.000.000
Các khoản phúc lợi khác	6.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.791.227.300</b>

**2. Các thông tin khác****2.1 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư Văn phú - Invest	69.629.688.136	387.788.054
Ngân hàng Công thương Việt Nam	25.431.082.000	9.799.339.000
Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	11.488.426.088	-
Bệnh viện răng hàm mặt Trung ương TP. Hồ Chí Minh	8.611.435.903	2.085.165.723
Văn phòng Bộ Tài Nguyên & Môi trường	8.386.064.084	8.843.354.084
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	7.130.152.000	7.130.152.000
Công ty TNHH Cát Tường	6.000.000.000	-
Kho bạc Nhà nước Cao Bằng	5.081.826.879	-
Bệnh viện nông nghiệp	4.486.989.000	3.715.500.000
Viện di truyền nông nghiệp	3.287.974.209	3.603.002.900
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	3.222.194.000	3.222.194.000
Bệnh viện K	2.828.578.536	23.779.548.978
Đối tượng khác	40.324.229.721	177.290.333.139
<b>Tổng cộng</b>	<b>195.908.640.556</b>	<b>239.856.377.878</b>

**2.2 Trả trước cho người bán**

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	46.562.809.595	-
Công ty CP Hồng Hà Sài Gòn	15.775.340.309	-
Công ty XD Hồng Hà số 1	11.565.625.652	6.620.522.132
Lê Quốc Tuấn	2.763.115.595	1.296.000.000
Phạm Vinh Hiến	583.413.600	-
Lê Văn Tuấn	496.001.000	1.000.000.000
Nguyễn Hải Sơn	46.249.992	46.249.992
Nguyễn Hồ Vinh	16.403.346	-
Ông Ngô Đức Cường	-	15.076.592.613
Xí nghiệp TCCG Số 1	-	3.552.819.273

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

Khác	-	193.888.588
<b>Tổng cộng</b>	<b>77.808.959.089</b>	<b>27.786.072.598</b>
<b>2.3 Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tạm ứng</b>	-	<b>80.078.300</b>
Ngô Thị Ngọc Lan	-	36.797.300
Đỗ Thành Trung	-	3.000.000
Lê Văn Tuấn	-	4.881.000
Lê An Giang	-	8.000.000
Nguyễn Ngọc Lương	-	22.900.000
Nguyễn Thị Hồng Nhung	-	1.500.000
Đỗ Minh Lai	-	3.000.000
<b>Ký quỹ, ký cược ngắn hạn</b>	<b>5.127.797.014</b>	<b>6.739.870.598</b>
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.127.797.014	6.690.995.158
Đối tượng khác	-	48.875.440
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.127.797.014</b>	<b>6.819.948.898</b>
<b>2.4 Phải trả người bán</b>		
	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Hồng Hà Dầu khí Hà Nội	49.669.538.590	-
Công Ty XD Hồng Hà số 1	37.033.996.615	35.507.594.467
Vũ Hoàng Nam	29.448.140.381	7.518.589.467
Nguyễn Phúc Thịnh	20.581.242.380	99.704.236.408
Lê Quốc Tuấn	15.928.459.059	-
Nguyễn Anh Học	10.792.043.793	10.454.249.660
Phạm Vinh Hiền	8.092.972.867	13.744.296.456
Đối tượng khác	44.831.536.195	69.506.405.054
<b>Tổng cộng</b>	<b>216.377.929.880</b>	<b>236.435.371.512</b>
<b>2.5 Người mua trả tiền trước</b>		
	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bệnh viện đa khoa Đồng Nai	48.167.442.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam	17.718.296.789	4.325.778.789
Bệnh viện K	5.212.539.644	-
Bệnh viện Chợ Rẫy	6.556.000.000	6.556.000.000
Đối tượng khác	2.848.592.828	40.139.081.222
<b>Tổng cộng</b>	<b>80.502.871.261</b>	<b>151.020.860.011</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2011

(tiếp theo)

**2.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.364.099.881	16.525.925.881
Chi phí Nguyên vật liệu, bao bì	-	-
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.869.870.554	2.393.564.168
Chi phí Khấu hao Tài sản cố định	1.395.446.012	2.361.657.993
Thuế, phí, lệ phí	108.976.800	37.696.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.279.753.611	7.140.162.998
Chi phí bằng tiền khác	1.714.619.844	3.397.100.032
<b>Tổng cộng</b>	<b>23.732.766.702</b>	<b>31.856.107.672</b>

**2.7 Thu nhập khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản góp vốn	5.901.378.238	-
Thu thanh lý tài sản cố định	899.032.164	422.129.091
Thu nhập khác	120.192.017	44.460.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.920.602.419</b>	<b>466.589.091</b>

**2.8 Chi phí khác**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	540.513.749	42.610.261
Chi phí khác	5.215.562	10.641.804
<b>Tổng cộng</b>	<b>545.729.311</b>	<b>53.252.065</b>

**3. Số liệu so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 của Cổ phần Hồng Hà Dầu khí đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỒNG HÀ DẦU KHÍ**

**TL.Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Phạm Thị Hải Yến**

**Hoàng Quốc Huy**